

Bản án số: **307/2022/DS-ST**

Ngày: 07-9-2022

V/v: “*Chậm thực hiện nghĩa vụ*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh;

2. Bà Phan Thị Diệu Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về “*Chậm thực hiện nghĩa vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 474/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 572/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Liêu Thái H, sinh năm 1958; HKTT: 312/20 T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H là: Ông Lê Doãn L, sinh năm 1973; HKTT: 402A/2 khu phố S, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: B10.12 Bis, chung cư Ruby, số 36 đường T (B cũ), phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản ủy quyền số 000708, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2022*).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1982; Địa chỉ: 106 Đ, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Văn K, sinh năm 1964; địa chỉ: 384/99/14 L, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Liêu Thái H do ông Lê Doãn L làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Liêu Thái H là chủ sở hữu 04 thửa đất số 544, 545, 546, 547 thuộc tờ bản đồ số 34 theo giấy chứng nhận BH 025106, BH 025107, BH 025111, BH 025113 ngày 21/10/2011, tọa lạc tại phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tài sản riêng của cha mẹ ông H để lại và do một mình ông H đứng tên. Việc mua bán không liên quan đến những người trong gia đình.

Ngày 26/4/2021, ông H cho cháu là Trịnh Văn K đứng tên 01 thửa đất số 545, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại phường Hòa Thạnh, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BH 025107, số vào sổ cấp GCN số CH05632 do UBND quận T cấp cho ông Liêu Thái H ngày 21/10/2011 cập nhật chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn K ngày 26/4/2021.

Do già yếu, nên ông H sang nhượng 03 thửa đất 544, 546, 547 cho ông Nguyễn Xuân T. Vì thửa đất 545 của cháu ông H là Trịnh Văn K nằm trọn miếng liền kề các thửa của ông H nên ông K cũng đồng ý sang nhượng, tổng giá trị bán 04 thửa trên là 17.500.000.000 đồng, cùng bán cho ông Nguyễn Xuân T. Do trong việc mua bán này, ông H bán nhiều thửa đất hơn nên việc giao dịch, thương lượng, nhận cọc ông K đều nhờ ông H đứng ra giải quyết. Ngày 17/10/2021, ông H và ông T ký hợp đồng đặt cọc 04 lô đất trên với số tiền là 500.000.000 đồng, nhận tiền mặt. Ngày 18/10/2021 ông K và ông T ra ký công chứng trước thửa đất 545 tại Văn phòng Công chứng T. Ngày 19/10/2021 ông H và ông T ra Phòng Công chứng số B lập hợp đồng sang nhượng 03 lô đất còn lại (giá từng lô trong hợp đồng do ông T đề nghị khác với giá thỏa thuận bên ngoài) và đã hoàn thành thủ tục mua bán 04 lô đất trên. Nhưng trong quá trình giao dịch tại Phòng Công chứng số B thì bên ông T chỉ đề nghị thanh toán cho ông H tổng cộng 04 thửa đất trên số tiền là 7.500.000.000 đồng, trong đó gồm 500.000.000 đồng tiền đặt cọc, 1.500.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông Trịnh Văn K và chuyển khoản 03 lần số tiền là 5.500.000.000 đồng vào tài khoản của ông H. Lúc này, ông T báo với ông H là không đủ tiền mặt để thanh toán số tiền còn lại là 10 tỷ cho ông H vì ngân hàng chưa giải ngân kịp. Do đó, ông T đề nghị ông H giúp đỡ bằng cách cho ông T thiếu lại số tiền 10.000.000.000 đồng và ông T đồng ý ký Giấy vay tiền ngày 19/10/2021 với ông H để làm bằng chứng, nội dung chính của Giấy vay tiền như sau: *“Ông T có mượn của ông H số tiền 10.000.000.000 đồng, ông T cam đoan trong vòng 30 ngày kể từ ngày 19/10/2021 ông T sẽ hoàn trả đủ số tiền nói trên. Nếu có gì sai ông T xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.”*

Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận trong thời hạn 05 ngày, khi 04 lô đất được cập nhật sang tên ông T thì ông T sẽ đưa cho ông H giữ 04 giấy chứng nhận trên đến khi ngân hàng giải ngân số tiền 10.000.000.000 đồng thì ông T sẽ thanh toán cho ông H số tiền 10.000.000.000 đồng còn thiếu, khi đó ông H trả lại cho ông T 04 giấy chứng nhận trên. Nhưng sau 05 ngày như đã cam kết, ông T không đưa lại ông H 04 giấy chứng nhận trên, mà nói là do giấy tờ đang bị vướng, sai vài chỗ nên chưa thể hoàn tất được và hẹn thêm 10 ngày sau sẽ hoàn tất, sau khi ngân hàng giải ngân sẽ thanh toán số tiền 10.000.000.000 đồng còn thiếu cho ông H.

Ngày 11/12/2021 ông T mới đến nhà ông H và chuyển khoản thêm cho ông H số tiền 3.000.000.000 đồng, số tiền còn lại là 7.000.000.000 đồng ông T hứa sẽ thanh toán cho ông H trong thời gian 10 ngày tiếp theo. Cùng ngày, hai bên có ký Cam kết thỏa thuận với nội dung: *“Từ hôm nay, ngày 11/12/2021 đến ngày 15/12/2021 (thứ 4), Bên A (ông T) cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho Bên B (ông H) là 7.000.000.000 đồng và kèm theo chi phí tổn thất 50.000.000 đồng. Nếu đến ngày 15/12/2021 Bên A không thanh toán đầy đủ số tiền theo thỏa thuận như trên thì Bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi tổn thất đã gây ra cho Bên B và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.”*

Hết thời gian như đã hứa, ông H liên hệ với ông T yêu cầu thanh toán số tiền 7.000.000.000 đồng còn lại nhưng ông T nói bị Covid 19 và hẹn thêm 02 tuần sau khi khỏi bệnh sẽ đến nhà thanh toán cho ông H. Tuy nhiên, cho đến nay ông T trốn tránh, không thực hiện việc thanh toán số tiền 7.000.000.000 đồng còn thiếu cho ông H.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân T phải hoàn trả cho ông H số tiền 7.000.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, đồng thời buộc ông T phải bồi thường thiệt hại về những tổn thất tinh thần đã gây ra cho ông H với số tiền là 1.500.000.000 đồng. Thanh toán làm 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền sang nhượng đất là 1,5 tỷ đồng mà ông T chuyển vào tài khoản của ông K ông H không có yêu cầu gì. Ông H sẽ tự giải quyết với ông K, khi nào có yêu cầu, ông H sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn K có bản tự khai trình bày như sau:

Ông là cháu của ông Liêu Thái H, ông H là chủ sở hữu 04 thửa đất số 544, 545, 546, 547 thuộc tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/4/2021, tôi được ông H cho đứng tên 01 thửa đất số 545, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BH 025107, số vào sổ cấp GCN số CH05632 do UBND quận T cấp cho ông Liêu Thái H ngày 21/10/2011 cập nhật chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn K ngày 26/4/2021.

Do già yếu, nên ông H sang nhượng 03 thửa đất 544, 546, 547 thửa của tôi là 545 nằm trọn miếng liền kề các thửa của ông H nên tôi cũng sang nhượng cùng với ông H, tổng giá trị bán 04 thửa trên là 17.500.000.000 đồng, cùng bán cho ông Nguyễn Xuân T. Sau đó, ông T đưa trước cho ông H tiền cọc là 500.000.000 đồng. Do trong việc mua bán này, ông H có nhiều thửa đất hơn tôi nên mọi hoạt động giao dịch, thương lượng, nhận cọc tôi đều nhờ ông H đứng ra giải quyết.

Ngày 18/10/2021 tôi và ông T ra ký công chứng trước thửa đất 545 đứng tên tôi tại Văn phòng Công chứng T. Sau đó, ông T chuyển vào tài khoản tôi số tiền 1.500.000.000 đồng, việc mua bán thông qua công chứng đã thực hiện

xong, tuy nhiên đến nay ông T vẫn còn nợ tôi và ông H số tiền 7.000.000.000 đồng. Nay ông H khởi kiện ông T đòi số tiền ông T còn thiếu thì tôi không có ý kiến và cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau. Việc thanh toán phần tiền còn lại của việc sang nhượng miếng đất đứng tên tôi, tôi và chú tôi là ông H sẽ tự thỏa thuận riêng. Ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhưng ông T không đến, không có bản trình bày ý kiến của mình về vụ án cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân T phải hoàn trả cho ông H số tiền 7.000.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 9%/năm tính từ ngày 15/11/2021 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2022). Đối với số tiền 1.500.000.000 đồng là yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần bị đơn đã gây ra cho nguyên đơn, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường 50.000.000 đồng (theo như Cam kết thỏa thuận ngày 11/12/2021). Yêu cầu bị đơn thanh toán 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Nguyên đơn và bị đơn, ông K có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 04 thửa đất với tổng trị giá là 17.500.000.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 7.500.000.000 đồng (trong đó chuyển khoản cho ông K số tiền 1.500.000.000 đồng). Do trục trặc về mặt giấy tờ nên bị đơn đề nghị nguyên đơn giúp đỡ bằng cách cho bị đơn thiếu lại số tiền 10.000.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý ký Giấy vay tiền ngày 19/10/2021 với nguyên đơn để làm bằng chứng. Căn cứ Giấy vay tiền ngày 19/10/2021 thể hiện bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 10.000.000.000 đồng. Căn cứ Cam kết thỏa thuận ngày 11/12/2021, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 7.000.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 7.000.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 9%/năm tính từ ngày 15/11/2021 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm, yêu cầu này là có căn cứ, phù

hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nhận thấy bị đơn vi phạm đã lâu, đã gây thiệt hại cho nguyên đơn do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại về những tổn thất tinh thần đã gây ra cho nguyên đơn với số tiền là 50.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là chậm thực hiện nghĩa vụ. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án. Bị đơn cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngày 28/6/2022, ông Trịnh Văn K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, mặt dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những

chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để xem xét giải quyết vụ án.

- Về yêu cầu thanh toán số tiền 7.000.000.000 đồng:

Xét, nội dung Giấy vay tiền ngày 19/10/2021 thì bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 10.000.000.000 đồng, cam kết sau 30 ngày (kể từ ngày 19/10/2021) sẽ hoàn trả đủ số tiền trên. Đến ngày 11/12/2021, bị đơn và nguyên đơn có ký Cam kết thỏa thuận với nội dung: “...đến ngày 15/12/2021 (thứ tư), Bên A cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho Bên B là 7.000.000.000 đồng...”. Ngày 12/11/2021, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 7.000.000.000 đồng. Đến hạn thanh toán, bị đơn đã không thực hiện đúng như cam kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 7.000.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 353, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về yêu cầu thanh toán số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật:

Xét, nội dung Cam kết thỏa thuận ngày 11/12/2021 có ghi nhận: “ Nếu đến ngày 15/12/2021 Bên A không thanh toán đầy đủ số tiền theo thỏa thuận như trên thì Bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi tổn thất đã gây ra cho Bên B và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.” Do bị đơn trốn tránh, không thực hiện việc thanh toán số tiền 7.000.000.000 đồng còn thiếu cho ông H. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 7.000.000.000 đồng và tiền lãi suất là 9%/năm tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ là ngày 15/11/2021 đến ngày 07/9/2022 (là 08 tháng 22 ngày) tương ứng với số tiền lãi suất là $7.000.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\% \times 8 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 458.500.000 \text{ đồng}$ là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về những tổn thất tinh thần đã gây ra cho nguyên đơn:

Xét nội dung Cam kết thỏa thuận ngày 11/12/2021: “Từ hôm nay, ngày 11/12/2021 đến ngày 15/12/2021 (thứ 4), Bên A (ông T) cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho Bên B (ông H) là 7.000.000.000 đồng và kèm theo chi phí tổn thất 50.000.000 đồng. Nếu đến ngày 15/12/2021 Bên A không thanh toán đầy đủ số tiền theo thỏa thuận như trên thì Bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi tổn thất đã gây ra cho Bên B và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật”. Ghi nhận việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về những tổn thất tinh thần đã gây ra cho nguyên đơn với số tiền là 50.000.000 đồng. Căn cứ Cam kết thỏa thuận ngày 11/12/2021 hai bên có thỏa thuận mức chi phí tổn thất là 50.000.000 đồng Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức chi phí tổn thất là 50.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 360 và Điều 361 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về thời hạn và phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tất cả số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội

đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn đã lâu nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán, việc này đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông K về việc giao cho ông H toàn quyền đứng ra khởi kiện ông T đòi số tiền ông T còn thiếu. Ông K không có ý kiến và cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau. Việc thanh toán phần tiền còn lại của việc sang nhượng thửa đất đứng tên ông, ông và chú của ông là ông H sẽ tự thỏa thuận riêng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 7.000.000.000 đồng + 458.500.000 đồng + 50.000.000 đồng = 7.508.500.000 đồng, tương ứng với số tiền án phí là 115.508.500 đồng.

Do nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn giảm án phí nên được xem xét miễn giảm án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 57.500.000 (năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034921 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 353, Điều 357, Điều 360, Điều 361, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liêu Thái H.

Buộc ông Nguyễn Xuân T có trách nhiệm thanh toán cho ông Liêu Thái H số tiền là 7.508.500.000 (bảy tỷ năm trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Trong đó tiền gốc là 7.000.000.000 (bảy tỷ) đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/11/2021 đến ngày 07/9/2022 là 458.500.000 (bốn trăm năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Xuân T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 115.508.500 (một trăm mười lăm triệu năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm) đồng. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Liêu Thái H là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn giảm án phí nên được xem xét miễn giảm án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 57.500.000 (năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034921 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

Trần Văn Chính